

Số: **40** /QĐ-ĐHV

Nghệ An, ngày **10** tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy
đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Căn cứ Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg ngày 25/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Vinh thành Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 418/QĐ-TTg ngày 11/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 99/2014/NĐ-CP ngày 25/10/2014 của Chính phủ Quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Công văn số 230/BGDĐT-KHCNMT ngày 16/01/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện Nghị định số 99/2014/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 206/TB-ĐHV ngày 13/12/2019 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Vinh nhiệm kỳ 2015 - 2020, thông báo kết luận nội dung phiên họp ngày 26/11/2019 của Hội đồng;

Căn cứ kết luận của Hội đồng chính sách Trường Đại học Vinh;

Xét đề nghị của Trường phòng Khoa học và Hợp tác Quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao của cán bộ, viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Vinh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế: Quyết định số 138/QĐ-ĐHV ngày 15/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc hỗ trợ

kinh phí đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao; thay thế tất cả các nội dung liên quan trong các quy định hiện hành trái với quy định này.

Điều 3. Trường các đơn vị: Khoa học và Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính, Hành chính Tổng hợp; Trường các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: ✓

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Hội đồng Trường (b/c);
- BBT website, iOffice;
- Lưu: HCTH, KH&HTQT.

✓



GS.TS Đinh Xuân Khoa



QUY ĐỊNH
VỀ VIỆC ĐẦU TƯ, KHEN THƯỞNG, QUY ĐỔI GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY ĐỐI VỚI
CÁC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CHẤT LƯỢNG CAO
(Kèm theo Quyết định số **40** /QĐ-ĐHV ngày **10** tháng 01 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)

I. Nguyên tắc chung

1.1. Nhà trường chỉ xem xét đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học công nghệ của cán bộ, viên chức và người lao động đang công tác tại Trường Đại học Vinh (tính đến thời điểm công bố sản phẩm). Bao gồm cả cán bộ, viên chức và người lao động của Nhà trường đang học tập, thực tập sinh tại nước ngoài.

1.2. Nhà trường chỉ xem xét đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học công nghệ gắn với địa chỉ, thương hiệu Trường Đại học Vinh.

1.3. Các loại hình sản phẩm khoa học công nghệ được xem xét đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy:

a) Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trên toàn lãnh thổ quốc gia/quốc tế;

b) Các công trình công bố trên các tạp chí khoa học có trong cơ sở dữ liệu của Web of Science hoặc Scopus. Việc đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy các công trình công bố trên các tạp chí khoa học có tính đến uy tín và chất lượng của tạp chí theo bảng xếp hạng của Scimago Journal & Country Rank.

1.4. Chỉ xem xét khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy cho các công trình khi:

Đối với bài báo/sách: đã được xuất bản (bao gồm cả xuất bản online);

Đối với Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật: đã được cấp bằng, giấy chứng nhận hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương.

1.5. Định mức kinh phí khen thưởng, giờ chuẩn giảng dạy tính theo công trình và được chia đều cho các tác giả. Chỉ tính 50% định mức theo quy định nếu sản phẩm thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Sản phẩm đã được tài trợ bởi các tổ chức/cá nhân trong hoặc ngoài nước;

b) Tác giả đứng thêm tên của cơ quan/đơn vị ngoài Trường Đại học Vinh.

1.6. Nhà trường chỉ đầu tư phát triển các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao theo mục 1.3. Các nhóm nghiên cứu (nhóm nghiên cứu mạnh) căn cứ định mức đầu tư để đăng ký triển khai và thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đúng theo thuyết minh và hợp đồng ký kết (Mẫu kèm theo).

II. Định mức đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy

a) Nguồn kinh phí Dạng 1

Nguồn kinh phí Dạng 1 là nguồn kinh phí được cấp từ các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước, bộ, tỉnh,...

Sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao hình thành từ nguồn kinh phí Dạng 1 được Nhà trường khen thưởng và tính giờ chuẩn giảng dạy theo định mức sau:

TT	Loại hình sản phẩm	Đơn vị tính	Nguồn kinh phí Dạng 1	
			Khen thưởng (triệu đồng)	Giờ chuẩn giảng dạy (tiết chuẩn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ quốc tế	Bằng/giải pháp	50	135
2.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trong nước	Bằng/giải pháp	30	108
3.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1 .	Bài báo	25	67.5
4.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q2 .	Bài báo	22.5	54
5.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q3 (hoặc Q4).	Bài báo	20	40.5
6.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ESCI ; Công trình công bố trên các kỳ yếu hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục CPCI-S .	Bài báo/bài kỹ yếu	17.5	40.5
7.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỹ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sở dữ liệu Scopus .	Bài báo/đầu sách/bài kỹ yếu	15	40.5
8.	Đối với các sản phẩm KHCN không thuộc vào một trong các trường hợp trên. Phòng KH&HTQT thẩm định và trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét đề tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.			

b) Nguồn kinh phí Dạng 2

Nguồn kinh phí Dạng 2 là kinh phí được trích từ các nguồn thu khác nhau của Nhà trường để đầu tư thực hiện nhiệm vụ KH&CN tạo ra sản phẩm (không tính kinh phí đối ứng của Nhà trường trong các nhiệm vụ).

Nhà trường đầu tư thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có kết quả đầu ra là các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao theo định mức sau:

TT	Loại hình sản phẩm	Đơn vị tính	Nguồn kinh phí Dạng 2				
			Định mức đầu tư (triệu đồng)		Khen thưởng (triệu đồng)	Giờ chuẩn giảng dạy (tiết chuẩn)	
			Các lĩnh vực nghiên cứu khác				
			Nghiên cứu cơ bản thuần túy (không sử dụng vật tư tiêu hao,...)	Nghiên cứu thực nghiệm (có sử dụng vật tư tiêu hao,...)			Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ quốc tế	Bằng/giải pháp	200	300	400	0	0
2.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trong nước	Bằng/giải pháp	120	180	240	0	0
3.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1 .	Bài báo	50	75	100	0	0
4.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q2 .	Bài báo	45	67.5	90	0	0
5.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q3 (hoặc Q4).	Bài báo	40	60	80	0	0

6.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ESCI ; Công trình công bố trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục CPCI-S .	Bài báo/bài kỷ yếu	35	52.5	70	0	0
7.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sở dữ liệu Scopus .	Bài báo/đầu sách/bài kỷ yếu	30	45	60	0	0
8.	Đối với các sản phẩm KH&CN không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng KH&HTQT thẩm định và trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét để tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.						

c) Nguồn kinh phí Dạng 3

Nguồn kinh phí Dạng 3 là nguồn kinh phí do các tổ chức hay cá nhân đầu tư để thực hiện nhiệm vụ KH&CN tạo ra sản phẩm.

Sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao hình thành từ nguồn kinh phí Dạng 3 được Nhà trường khen thưởng và tính giờ chuẩn giảng dạy theo định mức sau:

TT	Loại hình sản phẩm	Đơn vị tính	Nguồn kinh phí Dạng 3	
			Khen thưởng (triệu đồng)	Giờ chuẩn giảng dạy (tiết chuẩn)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ quốc tế	Bằng/giải pháp	100	270
2.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trong nước	Bằng/giải pháp	60	162
3.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1 .	Bài báo	50	135
4.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q2 .	Bài báo	40	108
5.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q3 (hoặc Q4).	Bài báo	30	81
6.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ESCI ; Công trình công bố trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục CPCI-S .	Bài báo/bài kỷ yếu	25	68

7.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sở dữ liệu Scopus .	Bài báo/dầu sách/bài kỷ yếu	20	54
8.	Đối với các sản phẩm KHCN không thuộc vào một trong các trường hợp trên, Phòng KH&HTQT thẩm định và trình Hội đồng KH&ĐT Nhà trường xem xét đề tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường quyết định.			

Ký hiệu các danh mục

SCIE: Science Citation Index Expanded;

SSCI: Social Sciences Citation Index;

A&HCI: Arts & Humanities Citation Index;

CPCI-S: Conference Proceedings Citation Index- Science;

ESCI: Emerging Sources Citation Index.

III. Quy trình đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn kinh phí Dạng 2

Các nhóm nghiên cứu (nhóm nghiên cứu mạnh) đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn kinh phí Dạng 2 theo đúng quy trình sau:

Bước 1. Đề xuất nhiệm vụ

Căn cứ định mức đầu tư của Nhà trường (Nguồn kinh phí Dạng 2) và các điều khoản trong Hợp đồng (Mẫu 1), các nhóm nghiên cứu (nhóm nghiên cứu mạnh) lựa chọn sản phẩm và xây dựng thuyết minh đăng ký thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Mẫu 2).

Bước 2. Thẩm định đề xuất

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường lựa chọn và mời 02 nhà khoa học có uy tín về lĩnh vực chuyên môn của nhóm nghiên cứu (nhóm nghiên cứu mạnh) đăng ký thực hiện nhiệm vụ để tham gia thẩm định và cho ý kiến (Mẫu 3);

b) Thu nhận và tổng hợp ý kiến thẩm định của các nhà khoa học.

Bước 3. Trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm:

a) Tổng hợp ý kiến thẩm định của các nhà khoa học (Mẫu 4);

b) Gửi xin ý kiến Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo;

c) Thu nhận và tổng hợp ý kiến các thành viên Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo trình Chủ tịch Hội đồng Hội đồng Khoa học và Đào tạo xem xét và quyết định.

Bước 4. Hoàn thiện hồ sơ

Căn cứ ý kiến kết luận của Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm:

a) Tham mưu cho Hiệu trưởng Nhà trường ban hành quyết định phê duyệt danh mục các nhiệm khoa học và công nghệ được chấp thuận đầu tư triển khai thực hiện: tên đề tài; mục tiêu; sản phẩm đăng ký; thời gian thực hiện; kinh phí đầu tư; thông tin về nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh chủ trì.

b) Hướng dẫn các nhóm nghiên cứu (nhóm nghiên cứu mạnh) chủ trì hoàn thiện hồ sơ theo các ý kiến của chuyên gia và ký kết hợp đồng thực hiện.

Bước 5. Triển khai thực hiện và nghiệm thu

Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện, tổ chức nghiệm thu các nhiệm vụ theo đúng hợp đồng ký kết, các quy định tại Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 9/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh và các văn bản hiện hành của nhà nước.





HỢP ĐỒNG

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Dành cho nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh)

Số:/HD-DHV

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Quyết định số 1016/QĐ-ĐHV ngày 22/10/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 480/QĐ-ĐHV ngày 09/5/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định về quản lý các hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1277/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2373/QĐ-ĐHV ngày 03/9/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-ĐHV ngày .../.../202.... của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc Quyết định đầu tư, khen thưởng, quy đổi giờ chuẩn giảng dạy đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ chất lượng cao;

Căn cứ kết quả thẩm định của Thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Vinh ngày...tháng năm.....;

Hôm nay, ngày tháng năm 202....., tại Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Vinh, chúng tôi gồm:

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A): Trường Đại học Vinh

Đại diện: Ông Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: 182 - Lê Duẩn - Thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An

Số tài khoản: 3712.1.1055499

Tại: Kho bạc Nhà nước Nghệ An

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B): Ông/bà - Trưởng nhóm nghiên cứu mạnh

Tên nhóm:.....

Đơn vị công tác:, Trường Đại học Vinh

Điện thoại: ; Email:

Số tài khoản:.....

Tại: Ngân hàng

Cùng nhau thoả thuận ký hợp đồng kinh tế về việc triển khai nhiệm vụ NC&KH:

Tên nhiệm vụ:

Mã số: **VProject** -

Nhóm nghiên cứu chủ trì thực hiện:.....

Với những điều khoản cụ thể sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ KH&CN:

..... theo các nội dung trong Thuyết minh đã được phê duyệt.

Điều 2. Thời gian và lộ trình thực hiện hợp đồng

2.1. Thời gian thực hiện: từ tháng / 202... đến tháng / 202.....

2.2. Hai bên thoả thuận việc tổ chức thực hiện; kiểm tra; đánh giá nghiệm thu vào các thời điểm sau:

- Kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng (lần 1) trong khoảng từ ngày / / 202..... đến ngày / / 202..... ;

- Kiểm tra tiến độ thực hiện hợp đồng (lần 2) trong khoảng từ ngày / / 202..... đến ngày / / 202..... ;

- Đánh giá nghiệm thu kết thúc trong khoảng từ ngày / / 202..... đến ngày / / 202..... .

2.3. Bên B chịu trách nhiệm nộp đầy đủ các báo cáo, cung cấp thông tin, minh chứng về sản phẩm theo yêu cầu của bên A.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh hay vướng mắc, chủ nhiệm đề tài phải báo cáo, đề xuất về phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế để có biện pháp xử lý kịp thời khi cần thiết.

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

3.1. Tổng giá trị hợp đồng: đồng.

Số tiền bằng chữ:

+ *Kinh phí chi cho nhân công lao động trực tiếp và chi khác* (thanh toán trực tiếp cho Trưởng nhóm nghiên cứu):

Bảng số: đồng

Bảng chữ:

+ *Kinh phí mua sắm nguyên vật liệu và chi khác* (kinh phí chuyển khoản):

Bảng số: đồng

Bảng chữ:

3.2. Bên B chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung công việc theo đúng chế độ và quy định của Nhà trường. Bên B chịu trách nhiệm thanh toán các loại thuế liên quan đến hợp đồng này.

3.3. Thời hạn và hình thức thanh toán: Bên A sẽ cho tạm ứng kinh phí cho bên thực hiện đề tài theo kế hoạch thực hiện và tiến độ được duyệt ngay sau khi ký hợp đồng.

Hình thức thanh toán: Tiền mặt/ chuyển khoản

Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của bên A

4.1. Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

4.2. Bố trí cho Bên B số kinh phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

4.3. Phê duyệt kế hoạch đầu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

4.4. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Nhiệm vụ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

4.5. Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ theo Thuyết minh;

4.6. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ;

4.7. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

4.8. Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

4.9. Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

4.10. Tiếp nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ, bàn giao kết quả thực hiện Nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu (nếu có);

4.11. Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Nhiệm vụ (nếu có);

4.12. Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Nhiệm vụ (nếu có) theo quy định hiện hành;

4.13. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của bên B

5.1. Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh đã được phê duyệt. Cụ thể, bên B chịu trách nhiệm hoàn thành các sản phẩm cụ thể sau:

a) Yêu cầu về số lượng, chủng loại, chất lượng

TT	Loại hình sản phẩm	Số lượng
1.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ quốc tế	
2.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trong nước	
3.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1 .	
4.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q2 .	
5.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q3 (hoặc Q4).	
6.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ESCI ; Công trình công bố trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục CPCI-S .	
7.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sở dữ liệu Scopus .	
8.	Sản phẩm đào tạo Tiến sĩ	
9.	Sản phẩm đào tạo Thạc sĩ	
10.	Sản phẩm khác	

b) Các yêu cầu khác liên quan

b1. Sản phẩm phải thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhóm đã đăng ký;

b2. Các sản phẩm phải gắn với địa chỉ, thương hiệu Trường Đại học Vinh.

b3. Sản phẩm chỉ được chấp nhận nghiệm thu khi đã hoàn thành và công bố trong khoảng thời gian ký kết hợp đồng thực hiện (không sớm hơn ngày bắt đầu và không muộn hơn ngày kết thúc hợp đồng). Đối với bài báo khoa học, ít nhất phải đã được xuất bản online hoặc có minh chứng chấp nhận đăng của Ban biên tập kèm theo bản thảo cuối cùng.

b4. Đối với sản phẩm là bài báo khoa học:

- Tác giả chính (Corresponding Author) phải là thành viên nhóm nghiên cứu gắn với đơn vị công tác là Trường Đại học Vinh và có địa chỉ email sử dụng tên miền của Nhà trường.

- Nghiên cứu sinh, học viên cao học có tên trong bài báo phải gắn với đơn vị công tác là Trường Đại học Vinh.

- Thống nhất thông tin về Trường Đại học Vinh bằng tiếng Anh ghi trong bài báo: *Vinh University, 182 Le Duan Str., Vinh City, Nghe An Province, Vietnam*

- Bài báo phải ghi thông tin cảm ơn (Acknowledgments) sự hỗ trợ kinh phí của Trường Đại học Vinh: *This study was financially supported by the research fund of Vinh University in*

- ***Bài báo cảm ơn n nguồn kinh phí hỗ trợ khác nhau, khi nghiệm thu sản phẩm chỉ được tính 1/n bài.***

b5. Đối với sản phẩm đào tạo sau đại học:

- Nội dung nghiên cứu của luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ phải trùng hướng nghiên cứu của nhóm đã đăng ký.

- Nghiên cứu sinh (học viên cao học) thực hiện luận án (luận văn) phải thuộc cơ sở đào tạo Trường Đại học Vinh và do một thành viên trong nhóm hướng dẫn (chấp nhận hướng dẫn thứ hai đối với luận án tiến sĩ).

- Sản phẩm đào tạo sau đại học chỉ được nghiệm thu khi và chỉ khi có Quyết định công nhận trúng tuyển (đối với nghiên cứu sinh), bản sao bằng Thạc sĩ hoặc minh chứng đã bảo vệ thành công (quyết định công nhận tốt nghiệp,...).

- Trong trường hợp vì lý do tuyển sinh, nhóm nghiên cứu có thể đề xuất thay thế sản phẩm đào tạo sau đại học bằng một công trình công bố trên tạp chí khoa học được Hội đồng Giáo sư Nhà nước tính đến 1 điểm trở lên (tính tại thời điểm nghiệm thu sản phẩm) để Hiệu trưởng Nhà trường xem xét và phê duyệt.

b6. Trưởng nhóm nghiên cứu và các thành viên trong nhóm phải có tài khoản trong cơ sở dữ liệu quốc tế (Research Gate, Google Scholar,...). Sau khi ký kết hợp đồng, Trưởng nhóm nghiên cứu phải cập nhật thông tin về nhiệm vụ lên cơ sở dữ liệu của mình. Thông tin và minh chứng các sản phẩm sau khi kết thúc hợp đồng phải được



cập nhật trên tài khoản cá nhân của Trưởng nhóm và các thành viên trong cơ sở dữ liệu quốc tế.

5.2. Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

5.3. Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ;

5.4. Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

5.5. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

5.6. Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

5.7. Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

5.8. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

5.9. Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

5.10. Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

5.11. Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

5.12. Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

5.13. Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Nhiệm vụ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

5.14. Công bố kết quả thực hiện Nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

5.15. Chủ nhiệm Nhiệm vụ cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Nhiệm vụ

và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

5.16. Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Nhiệm vụ ;

5.17. Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Nhiệm vụ theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

5.18. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Kết thúc hợp đồng, hồ sơ bên B phải nộp cho bên A bao gồm: Hồ sơ khoa học và Hồ sơ tài chính:

Hồ sơ khoa học:

1. Báo cáo tình hình hoạt động của nhóm nghiên cứu và tóm tắt Báo cáo tổng kết đề tài (theo mẫu): 01 bản

2. Minh chứng sản phẩm đã đăng ký: 01 bộ

Đối với bài báo khoa học phải nộp đầy đủ bản cứng và bản điện tử (thông tin trang bìa, mục lục, toàn văn bài báo hoặc giấy chấp nhận đăng);

Đối với sản phẩm đào tạo sau đại học phải nộp Quyết định công nhận trúng tuyển (đối với nghiên cứu sinh), bản sao bằng Thạc sĩ hoặc minh chứng đã bảo vệ thành công (quyết định công nhận tốt nghiệp,...).

Đối với các sản phẩm khoa học và công nghệ khác phải đầy đủ thông tin, tính pháp lý.... và được Hội đồng nghiệm thu xác nhận.

3. Biên bản họp hội đồng nghiệm thu: 01 bản.

4. Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng nghiệm thu: 01 bộ.

5. Bản nhận xét của phản biện và các thành viên tham gia hội đồng: 01 bản.

6. Biên bản thanh lý hợp đồng: 01 bản.

Hồ sơ tài chính:

1. Báo cáo tình hình hoạt động của nhóm nghiên cứu và tóm tắt Báo cáo tổng kết đề tài (theo mẫu): 01 bản.

2. Biên bản họp hội đồng nghiệm thu: 02 bản.

3. Phiếu đánh giá của các thành viên hội đồng nghiệm thu: 01 bộ.

4. Bản nhận xét của phản biện và các thành viên tham gia hội đồng: 01 bản.

5. Biên bản thanh lý hợp đồng: 02 bản.

6. Các sản phẩm của đề tài đã nêu trong thuyết minh: 01 bộ.

7. Các sản phẩm minh chứng cho các nội dung thuê khoán: 01 bộ.

8. Bảng tổng hợp quyết toán kinh phí: 02 bản.

9. Các chứng từ, hóa đơn phát sinh liên quan kèm theo: 01 bộ.

Nếu đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá và xếp loại "Đạt" trở lên thì hồ sơ nói trên mới đủ điều kiện thanh quyết toán và thanh lý hợp đồng.

Điều 6. Chấm dứt hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

6.1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu.

6.2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

6.3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

6.4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

6.5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

7.1. Đối với Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Nhiệm vụ đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức "không đạt": Bên A thành lập Hội đồng xem xét việc thu hồi kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

7.2. Đối với Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Nhiệm vụ chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

7.3. Đối với Nhiệm vụ bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh

phí đã được cấp.

7.4. Đối với Nhiệm vụ không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Nhiệm vụ, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

8.1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng kinh phí cấp cho Nhiệm vụ được thực hiện theo quy định pháp luật.

8.2. Các sản phẩm vật chất của Nhiệm vụ sử dụng kinh phí được cấp: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 9. Điều khoản chung

9.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Nhiệm vụ.

9.2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Phòng KH&HTQT có trách nhiệm phối hợp cùng bên B xác định nguyên nhân và báo cáo Hiệu trưởng Nhà trường để giải quyết theo quy định. Thời gian gia hạn Hợp đồng triển khai thực hiện Nhiệm vụ không quá 12 tháng (tính từ thời điểm kết thúc hợp đồng đã được ký kết).

9.3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

9.4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Toà án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự).

9.5. Các điều khoản không được đề cập trong hợp đồng này được tuân thủ theo đúng các quy định tại Quyết định số 1277/QĐ-ĐHV ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh về việc ban hành Quy định tạm thời về tổ chức và hoạt động đối với nhóm nghiên cứu của Trường Đại học Vinh.



9.6. Phòng KH&HTQT chịu trách nhiệm, phối hợp với các bộ phận liên quan kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện của các chủ nhiệm đề tài theo định kỳ. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện chủ nhiệm đề tài không thể hoàn thiện hoặc vì lý do khác không thực hiện được thì phải báo cáo Phòng KH&HTQT để trình Ban Giám hiệu điều chỉnh xử lý.

Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng này được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữbản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN B
TRƯỞNG NHÓM**

**ĐẠI DIỆN BÊN A
HIỆU TRƯỞNG**



Mã nhiệm vụ

VProject:

(Do Phòng KH&HTQT ghi)

THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

Loại hình nhóm: *Nhóm nghiên cứu mạnh*
Nhóm nghiên cứu

Tên đề tài (tiếng Việt)	
Tên đề tài (tiếng Anh)	
Thời gian thực hiện	Từ tháng năm đến tháng... năm....
Nhóm thực hiện	(Ghi tên nhóm)
Trưởng nhóm	

1. Giới thiệu tổng quát

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và sự cần thiết tiến hành nghiên cứu

2.1. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước

❖ Tài liệu tham khảo:

- [1].
- [2].
- [3].

2.2. Sự cần thiết tiến hành nghiên cứu

2.3. Khả năng thành công

3. Mục tiêu của đề tài

4. Nội dung nghiên cứu

- 4.1.
- 4.2.

.....

5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu

6. Kế hoạch triển khai

TT	Nội dung, công việc chủ yếu	Sản phẩm cần đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Người, cơ quan thực hiện
1				
2				

7. Sản phẩm đăng ký

TT	Loại hình sản phẩm	Số lượng
1.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/Giải pháp hữu ích/Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ quốc tế	
2.	Sản phẩm được cấp Bằng độc quyền sáng chế/ Giải pháp hữu ích/ Giải pháp kỹ thuật được bảo hộ trong nước	
3.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q1 .	
4.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q2 .	
5.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc một trong các danh mục SCIE, A&HCI, SSCI và được Scimago Journal & Country Rank xếp hạng Q3 (hoặc Q4) .	
6.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học thuộc danh mục ESCI ; Công trình công bố trên các kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học thuộc danh mục CPCI-S .	
7.	Công trình công bố trên các tạp chí khoa học/sách/kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học có trong cơ sở dữ liệu Scopus .	
8.	Sản phẩm đào tạo Tiến sĩ	
9.	Sản phẩm đào tạo Thạc sĩ	
10.	Sản phẩm khác	

8. Kinh phí

Tổng kinh phí:.....

Nguồn kinh phí:

Kinh phí Nhà trường cấp:

Nguồn kinh phí khác:.....

Nghệ An, ngày tháng năm ...

PHÊ DUYỆT CỦA BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

Nghệ An, ngày tháng năm ...

TRƯỞNG NHÓM NGHIÊN CỨU



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN NHẬN XÉT
THUYẾT MINH ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
CỦA NHÓM NGHIÊN CỨU/NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

Họ và tên chuyên gia thẩm định (ghi rõ họ, tên, học hàm, học vị):

Đơn vị công tác:

NỘI DUNG NHẬN XÉT

Tên đề tài (tiếng Việt)	
Tên đề tài (tiếng Việt) theo đăng ký	
Tên đề tài (tiếng Việt) theo kiến của chuyên gia đề nghị chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)	
Tên đề tài (tiếng Anh)	
Tên đề tài (tiếng Anh) theo đăng ký	
Tên đề tài (tiếng Anh) theo kiến của chuyên gia đề nghị chỉnh sửa, bổ sung (nếu có)	

1. Giới thiệu tổng quát
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu và sự cần thiết tiến hành nghiên cứu
 - 2.1. Tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước
 - 2.2. Sự cần thiết tiến hành nghiên cứu
 - 2.3. Khả năng thành công
3. Mục tiêu của đề tài
4. Nội dung nghiên cứu
5. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu
6. Kế hoạch triển khai
7. Sản phẩm đăng ký
8. Nhận xét về năng lực nghiên cứu của Chủ nhiệm và nhóm nghiên cứu
9. Nhận xét về các nội dung khác liên quan
10. Kết luận của chuyên gia thẩm định

a) Đây là nhiệm vụ nghiên cứu thuộc (đánh dấu "X" vào ô tương ứng):

Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn ☐

Lĩnh vực nghiên cứu khác ☐

Nghiên cứu cơ bản thuần túy (không sử dụng vật tư tiêu hao, ...)

Nghiên cứu thực nghiệm (có sử dụng vật tư tiêu hao, ...)

b) Đề nghị Nhà trường (đánh dấu "X" vào ô tương ứng):

Phê duyệt triển khai thực hiện (*) ☐

Không phê duyệt triển khai thực hiện (**)

☐

(*) Các yêu cầu khác (nếu có):

1.....

2.....

(**) Không phê duyệt triển khai thực hiện vì:

1.....

2.....

Nghệ An, ngày tháng năm ...

NGƯỜI THẨM ĐỊNH

(Ký và ghi rõ họ, tên)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP VÀ XIN Ý KIẾN THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
VỀ CÁC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA CÁC NHÓM NGHIÊN CỨU, NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH

TT	Thông tin về nhiệm vụ	Ý kiến chuyên gia 1	Ý kiến chuyên gia 2	Kết luận của thành viên Thường trực Hội đồng KH&ĐT
1.	Tên đề tài (tiếng Việt): Tên đề tài (tiếng Anh): Trưởng nhóm: Loại hình nhóm: <i>Nhóm nc/nhóm nc mạnh</i> Mục tiêu của đề tài: Nội dung nghiên cứu: Sản phẩm đăng ký:	1) Đây là nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực: a) Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn b) Lĩnh vực nghiên cứu khác: - Nghiên cứu cơ bản thuần túy (không sử dụng vật tư tiêu hao,...) - Nghiên cứu thực nghiệm (có sử dụng vật tư tiêu hao,...) 2) Đề nghị Nhà trường Phê duyệt triển khai thực hiện (*) Không phê duyệt triển khai thực hiện (**) (*) Các yêu cầu khác (nếu có): 1..... 2..... (**) Đề nghị không phê duyệt triển khai thực hiện vì: 1..... 2.....	1) Đây là nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực: a) Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn b) Lĩnh vực nghiên cứu khác: - Nghiên cứu cơ bản thuần túy (không sử dụng vật tư tiêu hao,...) - Nghiên cứu thực nghiệm (có sử dụng vật tư tiêu hao,...) 2) Đề nghị Nhà trường Phê duyệt triển khai thực hiện (*) Không phê duyệt triển khai thực hiện (**) (*) Các yêu cầu khác (nếu có): 1..... 2..... (**) Đề nghị không phê duyệt triển khai thực hiện vì: 1..... 2.....	1. Đồng ý/từ chối đầu tư; 2. Kết luận về loại hình đầu tư (nếu đồng ý đầu tư).
2.	Tên đề tài (tiếng Việt): Tên đề tài (tiếng Anh): Trưởng nhóm: Loại hình nhóm: <i>Nhóm nc/nhóm nc mạnh</i> Mục tiêu của đề tài:	1) Đây là nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực: a) Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn b) Lĩnh vực nghiên cứu khác: - Nghiên cứu cơ bản thuần túy (không sử dụng vật tư tiêu hao,...) - Nghiên cứu thực nghiệm (có sử dụng vật tư tiêu hao,...)	1) Đây là nhiệm vụ nghiên cứu thuộc lĩnh vực: a) Lĩnh vực Khoa học xã hội và Khoa học nhân văn b) Lĩnh vực nghiên cứu khác: - Nghiên cứu cơ bản thuần túy (không sử dụng vật tư tiêu hao,...) - Nghiên cứu thực nghiệm (có sử dụng vật tư tiêu hao,...)	1. Đồng ý/từ chối đầu tư; 2. Kết luận về loại hình đầu tư (nếu đồng ý đầu tư).

	Nội dung nghiên cứu: Sản phẩm đăng ký:	2) Đề nghị Nhà trường Phê duyệt triển khai thực hiện (*) Không phê duyệt triển khai thực hiện (**) (*) Các yêu cầu khác (nếu có): 1..... 2..... (**) Đề nghị không phê duyệt triển khai thực hiện vì: 1..... 2.....	tiêu hao,...) 2) Đề nghị Nhà trường Phê duyệt triển khai thực hiện (*) Không phê duyệt triển khai thực hiện (**) (*) Các yêu cầu khác (nếu có): 1..... 2..... (**) Đề nghị không phê duyệt triển khai thực hiện vì: 1..... 2.....	
3.				

Đại diện lãnh đạo
Phòng KH&HTQT

Người tổng hợp